

Số: 846 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế
- xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 1900/STC-THQH ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai cho các Sở, Ban ngành và các đơn vị liên quan (Phụ lục 1 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Năm 2025 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm cuối thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội; Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bình Phước về kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và cũng là năm thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, hướng tới thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

Để hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2025 và cả nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là chỉ tiêu tăng trưởng đạt 10% trong năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương, các doanh nghiệp trong tỉnh:

1. Tập trung bám sát tình hình thực tế phối hợp thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2025.

Đồng thời, tập trung thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và Bình Phước nhiệm kỳ 2020-2025 và các dự án trọng điểm của tỉnh.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các nội dung thuộc phạm vi ngành, địa phương quản lý và điều hành; yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Lãnh đạo các đơn vị liên quan có trách nhiệm cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và có giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, quý, năm các đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 (theo Phụ lục 2 đính kèm) gửi Sở Tài chính, Thống kê tỉnh tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi họp giao ban kinh tế - xã hội thường kỳ hàng tháng.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí, Trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Quyết định này.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Định kỳ, trước ngày 20 hàng tháng có báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (A+B); Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH và các phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI,
QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2025 TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 816 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Về kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng so với năm 2024	%	10	Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt	Triệu đồng/người	150,23	Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh
3	Kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2024	%	10	Sở Công thương, Cục Thống kê tỉnh
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng	1.000 tỷ đồng	173,543	Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh
5	Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025	Tỷ đồng	Đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (74.412,3)	Sở Tài chính
6	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng so với năm 2024	%	11,03	Sở Công thương
7	Tốc độ tăng tổng điện năng trên địa bàn tỉnh năm 2025	%	6,18	
8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng so với năm 2024	%	13,8	
9	Khách du lịch đạt	Triệu lượt khách	5,2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
II	Về chỉ tiêu môi trường			
10	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100	
	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100	
	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	78,8	
11	Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	98	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tỷ lệ khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, hoạt động hiệu quả đạt yêu cầu theo quy định	%	100	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện
12	Cụm công nghiệp có chủ đầu tư đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương
13	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	25,28	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III Về an sinh - xã hội				
14	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Trung ương	%	Dưới 0,26	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực thành thị ở mức	%	Dưới 3,0	Sở Nội vụ
16	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường và các điểm trạm có bác sỹ làm việc	%	100	Sở Y tế
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường và các điểm trạm đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	%	>90	
17	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi cân nặng theo tuổi	%	≤6,0	Sở Y tế
18	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi chiều cao theo tuổi	%	≤16	Sở Y tế
19	Số Bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	10	Sở Y tế
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	30	
20	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế
21	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt	%	52	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Nội vụ
22	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt	%	46	
23	Xây dựng nhà ở xã hội	Căn	8.340	Sở Xây dựng
	Trong đó: hoàn thành và đưa vào sử dụng	Căn	4.208	
IV Về văn hoá, giáo dục và đào tạo				
24	Tỷ lệ ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 90	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Trên 95	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 98	
	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 75	
	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp xã, phường hoạt động hiệu quả	%	100	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện
	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp, khu phố hoạt động hiệu quả	%	90	
25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	70	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo
26	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%	24	
V	Về quốc phòng -an ninh, trật tự an toàn xã hội			
27	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao	Hoàn thành	Hoàn thành	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
	Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch	Hoàn thành	Hoàn thành	
28	Không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự, khủng bố, phá hoại	Hoàn thành	Hoàn thành	Công an tỉnh
29	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội	Số vụ	Phấn đấu kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội; kiểm chế, làm giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và cháy, nổ lớn; phát hiện số vụ ma túy theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương giao năm 2025	Công an tỉnh
	Số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng	Số vụ		
	Số vụ cháy nổ lớn	Số vụ		
	Phát hiện số vụ ma túy	Số vụ		
30	Chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự	Hoàn thành	Hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Cục Quản lý Thi hành án dân sự giao trong năm 2025	Thi hành án Dân sự tỉnh
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc	%		
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền	%		

Phụ lục 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP XÃ, PHƯỜNG
DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO

Kỳ báo cáo (.....)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO (Theo chương trình công tác của UBND tỉnh, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh...)

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

2. Đánh giá (đã hoàn thành/ chưa hoàn thành), nguyên nhân

3. Kiến nghị (nếu có)

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ:

Đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ thuộc ngành, địa phương quản lý theo từng lĩnh vực.

1. Lĩnh vực a.

- Kết quả đạt được:

- Mặt hạn chế

- Khó khăn:

- Nguyên nhân:

- Biện pháp, giải pháp thực hiện

2. Lĩnh vực b.

- Kết quả đạt được:

- Mặt hạn chế

- Khó khăn:

- Nguyên nhân:

- Biện pháp, giải pháp thực hiện.

.....

3. Các đề xuất, kiến nghị:

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KỲ TIẾP THEO

Các nhiệm vụ trọng tâm công tác

(Các ngành, lĩnh vực, địa phương căn cứ vào tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao để đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới (tháng/ quý/6 tháng/9tháng/năm).

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)